

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HS-ST

Ngày 28-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Quang Hợp

2. Ông Trương Văn Bình

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Lâu Văn Chúc, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên toà:
Ông Hà Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 05/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 03 năm 2018; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hà Văn T - Sinh năm 1988. Nơi sinh: Xã Mường C, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Bản N, xã Mường C, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Trình độ văn hóa: 2/12; Con ông: Hà Văn Y, sinh năm 1963; Con bà: Vi Thị P, sinh năm 1969; Bị cáo có vợ: Lò Thị P, sinh năm 1987, con có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06-12-2017 chuyển tạm giam ngày 09-12-2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc K - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lò Thị P, sinh năm 1987

Trú tại: Bản N, xã Mường C, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 02-12-2017, Hà Văn T một mình điều khiển xe máy đi từ nhà sang bản Piềng Cẩn, cụm Mường Phùn (Lào) để thăm thân (Thăm người thân) và ở lại chơi vài ngày. Khoảng 14 giờ ngày 06-12-2017 khi Hà Văn T đang chuẩn bị về nhà thì T có gặp và hỏi mua của một người đàn ông công dân Lào (không biết tên, không biết địa chỉ) được 21 viên ma túy tổng hợp, với số tiền là 147.000kip (Một trăm bốn mươi bảy nghìn) kíp Lào. Mục đích mua ma túy về sử dụng cho bản thân.

Mua được ma túy, Hà Văn T giấu ma túy vào trong một đoạn ống nhôm màu đỏ, nắp ống màu trắng rồi bỏ vào túi quần dài bên trái của T đang mặc (ống nhôm này bị cáo xin của người đàn ông Lào), rồi đi xe máy từ bản Piềng Cẩn sang bản Piềng Khay (Lào) và theo đường mòn về Việt Nam. Đến 15 giờ cùng ngày, khi T về đến khu vực bản Chai, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát thì bị Bộ đội biên phòng Quang Chiểu-BĐBP Thanh Hóa bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 đoạn ống nhôm màu đỏ, nắp màu trắng, dài khoảng 10cm;
- 21 viên nén màu hồng có ký hiệu “WY”;
- 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Hà Văn T, sinh ngày 06-12-1988;
- 01 giấy đăng ký xe máy, mang tên Đinh Công S;
- 01 xe máy màu đỏ trắng, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE S, biển kiểm soát

36 K1-017.xx.

Tại bản kết luận giám định số: 43/MT-PC54 ngày 08-12-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: 21 (Hai một) viên nén màu hồng có ký hiệu “WY” của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng trọng lượng là 2,133g (Hai phẩy một trăm ba ba gam), loại: Methamphetamine.

Cáo trạng số 09/CT-VKS-ML ngày 06-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Hà Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, nhưng áp dụng khung hình phạt theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện ma túy đã 02 năm, không làm chủ được bản thân nên mới tàng trữ để sử dụng, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và tranh luận tại phiên tòa: Giữ nguyên toàn bộ quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đề nghị áp dụng khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm

1999; điều 38; điểm s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; áp dụng khung hình phạt cho bị cáo theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hà Văn T từ 24 - 26 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ của bị cáo, còn lại vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt. Nhưng cho rằng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; ngoài ra, Bị cáo là người dân tộc thiểu số, lại sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa thấp, dẫn đến nhận thức về pháp luật còn hạn chế, gia đình thuộc diện hộ nghèo, việc tuyên truyền pháp luật của cơ quan chức năng chưa đến với người dân nơi bị cáo sinh sống. Nên đề nghị HĐXX cân nhắc, áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội theo BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017; khoản 3 điều 7; khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015. Đề nghị HĐXX cho bị cáo mức án thấp nhất có thể, nhưng vẫn đủ sức răn đe, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, trở thành công dân có ích và vẫn có tính phòng ngừa chung. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Chị Lò Thị P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày và đề nghị: Chị là vợ của bị cáo Hà Văn T, vào cuối năm 2015 chị và bị cáo T đã dành dụm và vay mượn của anh em họ hàng mua được chiếc xe máy để làm phương tiện đi lại của cả gia đình, ngày 06-12-2017 thì Hà Văn T dùng chiếc xe máy này đi sang Lào, khi về thì bị bắt và bị thu giữ xe máy, nhưng chiếc xe máy cơ quan chức năng thu giữ là tài sản chung của vợ chồng. Nên đề nghị Tòa xem xét cho chị được xin lại chiếc xe máy này làm phương tiện sử dụng trong gia đình.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý, không thay đổi, không bổ sung thêm gì, đồng ý với lời trình bày của chị Lò Thị P về chiếc xe máy, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội và trả lại chiếc xe máy cho vợ để vợ con bị cáo làm phương tiện đi lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo Hà Văn T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ buộc tội và quan điểm đề nghị xử lý của Kiểm sát viên và có căn cứ pháp lý. Vì vậy, HĐXX đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo thực hiện hành vi phạm tội như sau: Ngày 02-12-2017, bị cáo một mình đi xe máy sang Lào để thăm người thân, ngày 06-12-2017 bị cáo đã mua 21 viên ma túy tổng hợp của một người đàn ông không quen biết công dân Lào, với số tiền là 147.000 kíp Lào, mục đích để sử dụng cho bản thân. Khi có ma túy bị cáo đã bỏ ma túy vào 01 ống nhôm và đập nắp lại rồi bỏ vào túi quần bên trái của bị cáo, đến 15 giờ ngày 06-12-2017 khi bị cáo về đến bản Chai, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát thì bị lực lượng Bộ đội biên phòng bắt quả tang. Số ma túy bị cáo bị thu giữ là 21 viên ma túy tổng hợp, có tổng trọng lượng là 2,133g (Hai phẩy một trăm ba mươi ba gam) loại: Methamphetamine.

Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Hà Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là điểm c, khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất vụ án do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân là phạm pháp nhưng vẫn cố tình thực hiện, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Đặc biệt hiện nay, tại địa phương tình trạng sử dụng, mua bán ma túy đang diễn ra hết sức phức tạp và đã đến mức báo động trong phạm vi toàn quốc, nhưng chỉ vì mục đích cá nhân, bị cáo đã bất chấp và thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý chí xem thường pháp luật. Vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức án tương ứng với tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo với xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ này và được xem xét khi quyết định hình phạt;

[5] Về việc áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015: Thời điểm bị cáo phạm tội Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật, nhưng tại điểm b, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017

của Quốc Hội khóa 14 quy định: “Các điều khoản của Bộ luật hình sự 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 00 giờ ngày 01-01-2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích”. Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật có hiệu lực thi hành”. Căn cứ các quy định nêu trên, so sánh quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 và khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 thì thấy: Khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 quy định về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thì có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; Khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 quy định về hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thì có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Như vậy khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 quy định có lợi hơn cho người phạm tội. Cần xem xét áp dụng quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt theo hướng có lợi cho bị cáo;

Tuy nhiên cũng cần căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trọng lượng chất ma túy bị cáo tàng trữ để có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội nhằm trừng phạt, cải tạo, giáo dục bị cáo, có ý thức tuân theo pháp luật, răn đe, phòng ngừa và nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy tại địa phương

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, lại đông con, tài sản gia đình không có gì đáng giá. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Vật chứng trong vụ án:

- Đối với 1,724g (Một phẩy bảy trăm hai bốn gam) methamphetamine còn lại sau giám định, đây là vật chứng vụ án, là chất nhà Nước cấm lưu hành; 01 đoạn ống nhôm màu đỏ, nắp màu trắng, dài khoảng 10cm không có giá trị sử dụng. Căn cứ điều 47 BLHS; khoản 2 điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Hà Văn T, sinh ngày 06-12-1988, nơi ĐKHH: Xã Mùong Chanh, huyện Mùong Lát, tỉnh Thanh Hóa,

đây không phải là công cụ, dụng cụ phạm tội, cứ điều 47 BLHS; khoản 3 điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo;

- Đối với: 01 xe máy HONDA WAVE S màu đỏ trắng BKS 36K1-017.xx, số máy 2E43959xx, số khung 521XCY4523xx; 01 đăng ký xe máy mang tên Đinh Công S ở bản Nàng 1, xã Mường L, huyện Mường Lát, đây không phải là phương tiện phạm tội, không phải vật chứng của vụ án và tài sản chung của Hà Văn T và chị Lò Thị P, cứ điều 47 BLHS; khoản 3 điều 106 BLTTHS trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lò Thị P.

[8] Về án phí, quyền kháng cáo và kháng nghị: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[9] Các nhận định khác:

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Hà Văn T, việc mua bán diễn ra ngoài lãnh thổ Việt Nam, nên không thể làm rõ xử lý.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 tương ứng với điểm c khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 33; điểm p, khoản 1, điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 tương ứng với điều 38; điểm s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi năm 2017.

- Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14.

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hình phạt chính: Xử phạt Bị cáo Hà Văn T **24** (Hai bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (06-12-2017).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

-Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong vật chứng do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, bên trong có 17 viên nén màu hồng ký hiệu “WY” tương ứng với trọng lượng 1,724 gam Methamphetamine là mẫu vật còn lại sau giám định. Tất cả được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đ, Trần Thị Thúy H, Nguyễn Văn L và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn ống nhôm màu đỏ, nắp màu trắng, dài khoảng 10cm thu giữ của bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo 01 giấy chứng minh thư nhân dân, số 1749584xx mang tên Hà Văn T, sinh ngày 06-12-1988, nơi ĐKHH TT: Xã Mùòng C, huyện Mùòng Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Trả lại cho chị Lò Thị P, sinh năm 1987, trú tại bản N, xã Mùòng C, huyện Mùòng Lát, tỉnh Thanh Hóa, gồm các tài sản sau: 01 xe máy HONDA WAVE S màu đỏ trắng BKS 36K1-017.xx, số máy 2E43959xx, số khung 521XC Y4523xx và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, số 0003xx mang tên Đinh Công S ở bản N 1, xã Mùòng L, huyện Mùòng Lát.

Các vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mùòng Lát, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07-3-2018 giữa Công an huyện Mùòng Lát và Chi cục THA Dân sự huyện Mùòng Lát.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Khoản 1, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Hà Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo và Kháng nghị: Áp dụng: Điều 331, điều 333, điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Án xử công khai; có mặt bị cáo, người bào chữa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát kháng nghị theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mùòng Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mùòng Lát;
- Chi cục THADS huyện Mùòng Lát;
- UBND xã Mùòng Chanh, huyện Mùòng Lát;
- Bị cáo Hà Văn T;
- Chị Lò Thị P;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng